

Bản án số: **83/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-9-2025

V/v “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Phong;

Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 201/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2025/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị B, sinh ngày 26/10/1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã BT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre (Nay là Ấp 3, xã BĐ, tỉnh Vĩnh Long)

Chị B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 15/8/2025

***Bị đơn:** Anh Nguyễn Trần Văn Minh T, sinh ngày 20/7/1996 (vắng mặt)

ĐKTT: Ấp 3, xã BT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre (Nay là Ấp 3, xã BĐ, tỉnh Vĩnh Long)

Hiện ở: Ấp RG, xã PL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre (Nay là ấp RG, xã Thạnh Trị, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2025 và trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trần Văn Minh T tự nguyện cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre (nay là xã BĐ, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 08/4/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên đánh đập chị, chị đã nhiều lần

khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi, nên cả hai đã ly thân từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay. Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhật K, sinh ngày 23/8/2022. Con chung hiện nay đang sống chung với anh T nên chị B yêu cầu anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị không cấp dưỡng

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

** Anh Nguyễn Trần Văn Minh T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B và không đến tham dự phiên tòa.*

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD:**

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử (HĐXX) thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử.

- Về nội dung đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh T. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị B để anh T được tiếp tục nuôi con chung chị không cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Trần Văn Minh T đã được triệu tập đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Trần Văn Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện BD, tỉnh Bến Tre (nay là xã BD, tỉnh Vĩnh Long) theo quy định pháp luật vào ngày

08/4/2022, do đó, hôn nhân của chị B và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị B cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn và chị yêu cầu được ly hôn với anh T, HĐXX xét thấy: Từ ngày Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đến nay, anh T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T không có động thái hay thiện chí thể hiện muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, cả hai đã không sống chung từ tháng 10 năm 2024 và chị B vẫn cương quyết ly hôn. Vì vậy, mâu thuẫn giữa chị B và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị B là có cơ sở và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhật K, sinh ngày 23/8/2022. Con chung hiện đang sống cùng anh T, chị B yêu cầu anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị không cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, cháu K đang sống chung với anh T, anh T nuôi con chung vẫn phát triển bình thường nên nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh chị. Do đó, tiếp tục để anh T nuôi cháu K là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Anh T biết được yêu cầu về nuôi con chung của chị B thông qua việc nhận được thông báo thụ lý vụ án bổ sung nhưng không có ý kiến phản hồi, không tham gia các buổi hòa giải, làm việc và phiên tòa, biết được việc chị B yêu cầu anh nuôi con chung và chị không cấp dưỡng nhưng anh không có ý kiến phản hồi, do đó chấp nhận yêu cầu của chị B về việc yêu cầu anh T nuôi cháu K, chị B không cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

[4] Về tài sản chung: Chị B khai không có nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Chị B khai không có nên không xét đến.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 Vĩnh Long phù hợp với các nhận định nêu trên nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị B phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị B ly hôn với anh Nguyễn Trần Văn Minh T. Quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Trần Văn Minh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhật K, sinh ngày 23/8/2022. Chị B không cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Chị Nguyễn Thị B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Chị B khai không có nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị B khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0011288 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ (Nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Vĩnh Long).

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phạm Quốc Duy